CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 12/5/2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2016;

2. Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 18/7/2017.

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013

của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.[1]

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này "Danh mục chủng loại máy, thiết bị sản xuất trong nước, nhập khẩu" được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (sau đây gọi là Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg), có Danh mục kèm theo.

Điều 2. Thẩm định điều kiện kỹ thuật các loại máy, thiết bị của các dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Dự án phải có thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.

2. Các loại máy, thiết bị trong dây chuyền phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu kỹ thuật; không vi phạm quyền bảo hộ về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; phải

---

[1] Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn."

Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn."

đảm bảo tính pháp lý về nguồn gốc xuất xứ và đáp ứng các quy định hiện hành về công bố tiêu chuẩn áp dụng theo Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này;

b) Định kỳ hàng năm, trước ngày 20/12 báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ của địa phương.

2. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn[2] có trách nhiệm:

a) Thường xuyên cập nhật các loại máy, thiết bị sản xuất trong nước, nhập khẩu để trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, công bố bổ sung vào Danh mục máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg;

c) Tổng hợp tình hình, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ trưởng về kết quả thực hiện chính sách trong phạm vi cả nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành[3]

---

[2] Cụm từ "Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối" được thay thế bởi cụm từ "Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn" được quy định tại Điều 11 của Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 18/7/2017.

[3] Điều 2 của Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2016 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân cần phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn, giải quyết./."

Các Điều 18, 19 của Thông tư số 11/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 18/7/2017 quy định như sau:

*"**Điều 18. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2017.

2. Những quy định về nhiệm vụ của Tổng cục Thủy lợi; Tổng cục Phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 9 của Thông tư này có hiệu lực thi hành cùng thời điểm với hiệu lực của Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi; Tổng cục Phòng, chống thiên tai.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014.

Thay thế Thông tư số 28/2012/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tổ chức, cá nhân đang thực hiện chính sách hỗ trợ theo Thông tư số 28/2012/TT-BNNPTNT trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân cần phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn, giải quyết./.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 05/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2018
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hà Công Tuấn

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC[4]
Chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

TT	Danh mục máy móc, thiết bị
1	Các loại máy kéo, động cơ các loại (Diezen, xăng, điện) sử dụng trong canh tác, thu hoạch, chế biến nông sản, lâm sản; sản xuất muối; nuôi trồng, khai thác thủy sản, lâm nghiệp; dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản
2	Các loại máy làm đất (cày, bừa, phay, bánh lồng, rạch hàng, bạt gốc); máy san phẳng đồng ruộng bằng laser; Máy đào hố trồng cây; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng cây; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mạ thảm (máy nghiền, máy sàng, máy trộn, máy dải đất, nhà bao che, khay mạ); máy chăm sóc (xới, vun luống, bón phân, phun thuốc trừ sâu), máy bơm nước
3	Hệ thống máy, thiết bị tưới nước tiết kiệm (máy bơm, bể chứa, đường ống, van áp lực, vòi phun, đầu tưới, thiết bị lọc, thiết bị kiểm soát áp lực…): tưới phun; tưới nhỏ giọt; tưới quay vòng tự hành; Hệ thống máy, thiết bị điện chiếu sáng (trạm biến áp, đường dây, đèn chiếu sáng) cho cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.
4	Các loại máy thu hoạch: lúa, ngô, mía, cà phê, sắn, khoai lang, đậu nành (đậu tương); mè (vừng) ; máy đốn, hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ tẽ hạt ngô; máy tẽ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy, thiết bị sơ chế cà phê thóc ướt; máy khai thác, thu gom, vận xuất rừng trồng
5	Máy sấy nông sản, lâm sản, thủy sản (bao gồm các phụ kiện: lò đốt, quạt, buồng (bể) sấy, nhà bao che, băng tải, vít tải, trạm biến áp)

[4] Danh mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2016.

	Silô, thiết bị sử dụng chứa, bảo quản thóc, ngô, cà phê, chè, tôm, cá, mực khô quy mô hộ gia đình
6	Máy, thiết bị sản xuất muối sạch, hệ thống phủ bạt che mưa và bạt lót trên sân kết tinh muối
7	Máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi: máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rơm, cỏ; máy nghiền, máy trộn thức ăn, máy ép viên thức ăn chăn nuôi, máy thái rau, củ, quả; Máy vắt sữa; thiết bị bảo quản lạnh sữa; máy phân tích chất lượng sữa; Thiết bị cung cấp nước uống, thức ăn tự động cho gia súc, gia cầm; Máy, thiết bị chăn nuôi gà đẻ tự động, máy rửa khay trứng, máy khử trùng trứng, băng tải trứng, thu gom, đóng gói trứng tự động, máy soi trứng gia cầm, thiết bị tiêm tự động; Máy, thiết bị sưởi ấm, làm mát, dọn vệ sinh chuồng trại; máy xới đệm lót sinh học; máy phun khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi; Máy phát điện chạy bằng khí Biogas; Máy ấp, nở trứng gia cầm.
8	Máy, thiết bị sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng thủy sản (động cơ nổ, động cơ điện, hệ thống quạt nước, hệ thống cấp ô xy đáy); thu hoạch thủy sản: máy, thiết bị hút, chuyển cá
9	Các loại máy, thiết bị dò cá, thu, thả lưới, câu; máy xung điện trong khai thác cá ngừ; tời lưới; máy, thiết bị thông tin liên lạc; hầm (buồng), tủ cấp đông có gắn thiết bị lạnh; thùng (hầm) bảo quản sản phẩm có hoặc không gắn thiết bị lạnh; máy, thiết bị sản xuất nước đá sệt từ nước biển, nước muối; thiết bị lọc nước biển thành nước ngọt sử dụng trên tàu cá đánh bắt xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần
10	Máy, thiết bị sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông, lâm sản: máy băm rơm, rạ, cỏ, lá mía, bã mía, cành, nhánh gỗ (cao su, rừng trồng, rừng tự nhiên); máy nén cỏ, đóng gói ủ chua; máy ép củi trấu, mùn cưa; máy ép dầu cám, máy ép gỗ, sản xuất viên nén (palit). Các loại máy, thiết bị xử lý phế và phụ phẩm sau chế biến thủy sản: tôm, cá, các loại vỏ ghêu, sò, ốc, hến, hàu.
11	Máy (xe) thu gom, bốc mía, lúa, cuốn rơm rạ trên đồng; phà (trẹt) chở máy gặt; xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ (công suất động cơ không quá 15kW, khối lượng toàn bộ lớn nhất của xe không quá 1.000 kg)